

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB - TỈNH PT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Luyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tống Như Hải;

2. Ông Phạm Mạnh Cường.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện TB, tỉnh PT, tham gia phiên toà:**
Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TB, tỉnh PT xét xử C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 13/3/2025; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HS ngày 01/4/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Văn P**, sinh ngày 13/7/1972; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Khu 5, xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: C giáo; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Đỗ CB và mẹ đẻ: Chu Thị C; Vợ: Nguyễn Thị V; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2022, C an xã ĐA lập hồ sơ giáo dục tại xã phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 08/9/2022; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/12/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh PT, (Có mặt).

2. Họ và tên: **Bùi Văn C**, sinh ngày 01/5/1965; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Khu 1, xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Bùi Văn H và mẹ đẻ: Phạm Thị L; Vợ: Nguyễn Thị Ch; Con: Có 02 con, sinh năm 1986, nhỏ 1990; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2010, Toà án nhân dân huyện TB xử 36 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 27/8/2012, án phí nộp ngày 18/11/2010; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/12/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh PT. (Có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu 3, xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT, (Vắng mặt);
- Anh Lê Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu Đoàn Kết, xã PT, huyện TB, tỉnh PT, (Có mặt);
- Chị Đỗ Thu H, sinh năm 1999; Địa chỉ: Khu 5, xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 20 giờ 30 phút, ngày 17/12/2024, tại khu Phố Ẽn, xã Mạn Lạn, huyện TB, tỉnh PT; C an huyện TB phối hợp cùng chính quyền địa pH xã Mạn Lạn kiểm tra, phát hiện Đỗ Văn P, sinh năm 1972, trú tại khu 5, xã ĐA, huyện TB đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ của P gồm: 01 gói giấy có đặc điểm mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu trắng có in chữ màu đen, bên trong gói giấy có chứa chất bột, cục màu trắng (Đỗ Văn P tự khai nhận là ma túy Heroine); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58, vỏ máy màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 864818060551751; số IMEI 2: 864818060551744, bên trong gắn 02 thẻ sim, trong đó một sim có in chữ 4G Viettel và dãy số 8984048000930892729, gắn số thuê bao 0373488337; một sim có in chữ Vinaphone và dãy số 89840200011608216550, gắn số thuê bao 0282879337; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn trắng đen bạc, số máy: JA39E1105631, số khung: 3913KY244860, gắn biển kiểm soát 19S1-303.12, tình trạng xe đã qua sử dụng, bên trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì; Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.000.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra C an huyện TB trưng cầu giám định đối với gói ma túy tạm giữ của Đỗ Văn P. Tại Kết luận giám định số 1719/KL-KTHS, ngày 23/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - C an tỉnh PT xác định: “Chất bột cục màu trắng chứa bên trong 01 gói giấy gửi đến giám định là **ma túy**, có tổng khối lượng là **0,298 gam**, loại **Heroine**”.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn P khai nhận: Do bản thân nghiện chất ma túy nên P đã đi mua ma túy Heroine về để sử dụng cho bản thân và để bán nếu có người hỏi mua. Khi P vừa đi mua ma túy về đến đoạn đường tỉnh lộ 314C, cắt ngang đường sắt thuộc địa phận khu Phố Ẽn, xã Mạn Lạn, huyện TB; P đứng lại chờ tàu hỏa đi qua thì bị C an huyện TB cùng chính quyền địa pH xã Mạn Lạn kiểm tra, phát hiện, lập Biên bản vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, tạm giữ và niêm phong gói ma túy mà P giao nộp. Ngoài ra Đỗ Văn P còn tự giác khai nhận đã có 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1975, trú tại khu 3, xã ĐA, huyện TB và 01 lần bán trái phép chất ma túy cho Bùi Văn C, sinh năm 1965, trú tại khu 1, xã ĐA, huyện TB, cụ thể:

Đối với nội dung bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Hải Đ:

- Lần 1: Khoảng gần 12 giờ ngày 12/12/2024, khi P đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Đ, P chỉ nhớ có ba số cuối là 575; còn số điện thoại của P sử dụng là 0373488337. Qua điện thoại Đ hỏi mua 150.000 đồng tiền ma túy Heroine và mang ra nhà cho Đ, sẵn đang có ma túy bán nên P đồng ý. Đến

khoảng gần 13 giờ cùng ngày, P lấy gói ma túy ra, tách lấy một phần ma túy cho vào một mảnh giấy mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng (*loại giấy chống ẩm của bao thuốc lá Thăng Long*) gói lại để bán cho Đ. Sau đó P gọi điện thoại lại cho Đ và hỏi xem Đ đang có ở nhà không thì đem ma túy đến bán, rồi một mình điều khiển xe máy đến nhà Đ. Khi đến nơi, P đi xe vào sân nhà Đ gặp nhau, Đ đưa cho P số tiền 150.000 đồng gồm một tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng. P cầm tiền rồi đưa bán lại cho Đ gói ma túy mà P đã chuẩn bị sẵn, sau đó P cùng Đ đi vào nhà ngồi uống nước một lúc rồi P ra về còn Đ sử dụng số ma túy trên như thế nào thì P không biết.

- Lần 2: Khoảng hơn 17 giờ 30 phút ngày 14/12/2024, khi P đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Đ, số điện thoại như đã nêu ở trên. Qua điện thoại Đ hỏi mua một gói ma túy với giá 300.000 đồng và đem đến cho Đ, P đồng ý. Đến khoảng gần 18 giờ cùng ngày, P lấy gói ma túy của mình ra tách lấy một phần ma túy trị giá khoảng 150.000 đồng cho vào một mảnh giấy hai mặt màu trắng có dòng kẻ gói lại để bán cho Đ. Sau đó P một mình điều khiển xe máy ra nhà Đ. Khi gặp nhau, Đ đưa cho P số tiền 300.000 đồng gồm một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và một tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. P cầm tiền rồi đưa bán lại cho Đ gói ma túy đã chuẩn bị sẵn nêu trên, sau đó P đi cùng Đ vào nhà Đ ngồi uống nước một lúc rồi ra về còn Đ sử dụng số ma túy trên làm gì P không biết.

Đối với nội dung bán trái phép chất ma túy cho Bùi Văn C: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/12/2024, khi P đang ở nhà thì nhận được điện thoại của C, số điện thoại của P sử dụng là 0373488337, còn số điện thoại của C thì P chỉ nhớ có ba số cuối là 215. Qua điện thoại C hỏi P có ma túy Heroine để bán cho C ba trăm nghìn đồng. Lúc này, P có sẵn ma túy Heroine nhưng đang bận nên trả lời “Có nhưng em đang bận tí”, C nói tiếp “Tí xong để cho anh ba trăm nhé”, P hiểu ý của C muốn hỏi mua của 300.000 đồng tiền ma túy Heroine nên trả lời “Vâng, lát nữa em gọi”. Khoảng 20 phút sau thì P nhận được cuộc gọi của C theo số điện thoại nêu trên hỏi “Cầm ra cho anh được không”, hiểu ý C muốn P mang ma túy Heroine ra nhà C để bán nên đồng ý. Sau đó, P lấy gói ma túy ra, tách lấy một phần ma túy trị giá khoảng 150.000 đồng cho vào một mảnh giấy mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng (*loại giấy chống ẩm của bao thuốc lá Thăng Long*) gói lại rồi một mình điều khiển xe máy đến nhà C. Khi đến nơi P vào trong nhà, gặp C tại bàn uống nước kê ở gian phòng khách. Tại đây, C đưa P số tiền 300.000 đồng gồm 03 tờ tiền loại polyme mệnh giá 100.000 đồng. P cầm tiền rồi đưa bán lại cho C gói ma túy đã chuẩn bị sẵn sau đó P điều khiển xe đi về nhà còn C sử dụng số ma túy nêu trên như thế nào thì P không biết.

Về nguồn gốc số ma túy P có để sử dụng, bán cho Nguyễn Hải Đ, Bùi Văn C và số ma túy bị Cơ quan C an tạm giữ ngày 17/12/2024, Đỗ Văn P khai mua được của một người đàn ông không quen biết, không rõ tên, khoảng 40 tuổi làm nghề lái xe ôm tại khu vực cầu Văn Phú, thuộc địa phận thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. P đã nhiều lần mua được ma túy của người đàn ông này, nhưng P chỉ nhớ 03 lần gần đây vào các ngày 01/12; 12/12 và 17/12/2024, mỗi lần 01 gói ma túy Heroin với giá 1.000.000 đ/ gói.

Trong quá trình điều tra ngày 19/12/2024, thực hiện Kế hoạch số 636/KH-CAH-HSKTMT, ngày 21/10/2024 về “*Cao điểm tổng rà soát, phát hiện, thống*

kê, quản lý người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy và đấu tranh, triệt xóa điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy”, C an huyện TB tiến hành kiểm tra chất ma túy trong cơ thể đối với Lê Văn T, sinh năm 1985, trú tại khu Đoàn Kết, xã PT, huyện TB, tỉnh PT bằng pH pháp test nhanh nước tiểu của T. Kết quả xác định Lê Văn T dương tính với ma túy Heroine.

Căn cứ kết quả xét nghiệm chất ma túy và lời khai của Lê Văn T, C an huyện TB đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Về nguồn gốc số ma túy có để sử dụng, Lê Văn T khai nhận do T mua được của Bùi Văn C, sinh năm 1965, trú tại khu 1, xã ĐA, huyện TB diễn ra lúc khoảng 20 giờ ngày 16/12/2024 tại nhà ở của C với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T đã sử dụng hết cho bản thân bằng hình thức hút khói ma túy qua đường hô hấp vào cơ thể. Quá trình làm việc, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Lê Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18, vỏ máy màu đen, bên trong lắp 01 thẻ sim có in dãy số 8984048000388850246 (số thuê bao 0356069884). T khai sử dụng để liên lạc cá nhân hàng ngày, trong đó có việc liên lạc với Bùi Văn C để giao dịch mua bán trái phép chất ma túy.

Triệu tập Bùi Văn C đến làm việc, C khai nhận: Khoảng 11 giờ ngày 16/12/2024 khi C đang ở nhà tại khu 1, xã ĐA, huyện TB thì nhận được điện thoại của Lê Văn T có 03 số cuối là 884, gọi đến số điện thoại của C là 0968716215 (T sử dụng cuộc gọi qua tổng đài yêu cầu C trả tiền cước cho cuộc gọi). Khi C nghe máy, T hỏi: “Ông ơi, ông còn tí nào không để cho cháu ít, cháu đi làm mệt quá”, C hiểu ý T hỏi có ma túy Heroine không để bán cho T nhưng lúc này C không có ma túy nên đã trả lời “Tao còn đang nằm thờ đây”, ý của C là C đang thèm ma túy mà không có để sử dụng rồi kết thúc cuộc gọi.

Đến khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, C nảy sinh ý định mua ma túy về tách một phần để bán, phần còn lại thì C sử dụng cho nhu cầu của bản thân. C gọi điện thoại lại cho T theo số điện thoại nêu trên và hỏi “Đấy mày có bao nhiêu tiền”, ý C hỏi T muốn mua bao nhiêu tiền ma túy Heroine, T trả lời “Đây cháu có ba trăm”, nên C trả lời “Ừ để tao hỏi đã xong có gì tao gọi lại”. Ngay sau đó, C gọi điện thoại cho Đỗ Văn P là bạn cùng cảnh nghiện với C. Qua điện thoại C nói với P “Anh C đây, có không để cho anh ba trăm”, ý của C muốn hỏi mua của P 300.000 đồng tiền ma túy Heroine. P trả lời “Có, nhưng em đang bận”. Sau khi gọi điện thoại hỏi mua được ma túy của P, C gọi điện thoại cho T và nói “Có rồi đấy, khoảng 30 phút nữa xuống nhà tao đưa cho”, ý của C muốn nói với T là C đã hỏi mua được ma túy và hẹn T đến nhà C sẽ bán lại ma túy cho. Khoảng 20 phút sau, C gọi điện thoại lại cho P và nói “Cầm ra cho anh được không”, P trả lời “Vâng tí em cầm ra luôn”. Khoảng 5 phút sau C thấy P một mình đi xe máy đến nhà C. Khi gặp nhau tại gian phòng khách, tại đây C đưa cho P số tiền 300.000 đồng gồm 03 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng. P cầm tiền rồi đưa bán lại cho C 01 gói bằng giấy màu vàng, sau đó P rời khỏi nhà C, đi đâu thì C không biết. Sau khi P về, C mở gói ma túy vừa mua được ra thấy mặt trong của gói giấy màu trắng, bên trong có chứa chất bột, cục màu trắng chính là chất ma túy Heroine. C dùng tay không tách lấy một nửa số ma túy cho vào chiếc xilanh nhựa hút nước vào pha ma túy rồi tiêm chích qua mạch

máu vào cơ thể. Số ma túy Heroine còn lại C gói lại như cũ để bán cho T. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, C thấy T một mình đến và đưa cho C số tiền 300.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. C cầm tiền rồi đưa bán lại cho T 01 gói ma túy Heroine (*chính là nửa gói ma túy mà C vừa mua được của P*). Sau đó T cầm gói ma túy rời khỏi nhà C, đi đâu thì C không biết. Khám xét khẩn cấp nơi ở của C, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Bùi Văn C 01 thẻ căn cước C dân mang tên Bùi Văn C. Quá trình làm việc đã tạm giữ của C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu xanh, bên trong lắp 01 sim có in dãy số 8984048000932503769, số thuê bao 0968.716.215. Bùi Văn C khai sử dụng để liên lạc cá nhân hàng ngày, trong đó có việc liên lạc với Đỗ Văn P và Lê Văn T để giao dịch mua bán trái phép chất ma túy.

Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1975, trú tại khu 3, xã ĐA, huyện TB đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hải Đ khai nhận đã có 02 lần mua ma túy Heroine của Đỗ Văn P phù hợp với nội dung lời khai của Đỗ Văn P. Khi mua ma túy của P, Đ đều không cân đo nên không xác định được khối lượng. Sau khi mua được ma túy, Nguyễn Hải Đ đã sử dụng hết cho bản thân bằng hình thức tiêm chích ma túy qua mạch máu vào cơ thể. Quá trình làm việc, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Nguyễn Hải Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn Iphone 11 Promax, màu vàng, đã qua sử dụng, bên trong gắn 01 sim có in dãy số 8984048000932503769 (*gắn số thuê bao 0869478575*). Nguyễn Hải Đ khai sử dụng để liên lạc cá nhân hàng ngày, trong đó có việc liên lạc với Đỗ Văn P để giao dịch mua bán trái phép chất ma túy. Riêng Bùi Văn C sau khi mua được ma túy của Đỗ Văn P đã tách lấy một phần trị giá 150.000 đồng sử dụng cho bản thân; phần còn lại trị giá 150.000 đồng, C đem bán cho Lê Văn T với giá 300.000 đồng, thu lợi chính là phần ma túy mà C sử dụng nhưng không phải trả tiền, phù hợp với lời khai của Lê Văn T và Đỗ Văn P.

Tiến hành đối chất giữa Bùi Văn C với Lê Văn T; đối chất giữa Đỗ Văn P với Nguyễn Hải Đ và Bùi Văn C. Kết quả: Cả C, T, P và Đ đều thừa nhận về hành vi vi phạm của bản thân, phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập.

Cơ quan CSĐT C an huyện TB tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với Đỗ Văn P với Nguyễn Hải Đ và Bùi Văn C xác định cả P, Đ và C đều dương tính với chất ma túy Heroine.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu Tập đoàn C nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) cung cấp báo cáo chi tiết lịch sử cuộc gọi đối với số thuê bao 0373488337 của Đỗ Văn P; số thuê bao 0869478575 của Nguyễn Hải Đ; số thuê bao 0968716215 của Bùi Văn C và số thuê bao 0356069884 của Lê Văn T. Kết quả: Trong các ngày 12/12/2024 và ngày 14/12/2024 đều phát sinh cuộc gọi giữa Đỗ Văn P và Nguyễn Hải Đ phù hợp với nội dung lời khai của P và Đ. Trong ngày 16/12/2024 phát sinh các cuộc gọi giữa Đỗ Văn P và Bùi Văn C; các cuộc gọi giữa Lê Văn T và Bùi Văn C phù hợp với nội dung lời khai của P, C và T.

Cơ quan CSĐT đã phối hợp với C an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tiến hành xác minh, truy tìm người bán trái phép chất ma túy cho Đỗ Văn P tại khu

vực cầu Văn Phú. Kết quả không xác định được là ai; vì vậy Cơ quan điều tra không làm rõ, triệu tập làm việc được.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKSTB ngày 12 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT, truy tố: Bị cáo **Đỗ Văn P**, về tội: **“Mua bán trái phép chất ma túy”**, theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo **Bùi Văn C**, về tội: **“Mua bán trái phép chất ma túy”**, theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng;
- Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố; Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn P, Bùi Văn C phạm tội: **“Mua bán trái phép chất ma túy”**;

Về điều luật áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, r khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo P; khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo C; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về hình phạt chính:

- Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn P từ 07 năm 06 tháng tù đến 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 27/12/2024.
- Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn C từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 27/12/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu huỷ gồm: 01 túi niêm phong mã số PS3 2137078 của Phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh PT, bên trong có 0,248 gam chất bột cục màu trắng, mặt sau bì giấy có chữ ký và 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh PT; 02 thẻ sim, số thuê bao 0373488337 và số thuê bao 0282879337 thu giữ của bị cáo P; 01 sim, số thuê bao 0968.716.215 thu giữ của bị cáo C; 01 sim, số thuê bao 0869478575 thu giữ của Nguyễn Hải Đ; 01 thẻ sim, số thuê bao 0356069884, thu giữ của Lê Văn T.

- Tịch thu bán sung quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58, thu giữ của bị cáo P; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu xanh, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Hải Đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18, vỏ máy màu đen, màn hình cảm ứng, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, thu giữ của Lê Văn T.

- Trả lại cho bị cáo P 01 thẻ căn cước C dân số 025072001902 mang tên Đỗ Văn P và số tiền 1.000.000đồng. Xong tạm giữ số tiền 1.000.000đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo C 01 thẻ căn cước C dân số 025065001617 mang tên Bùi Văn C.

- Truy thu của bị cáo Đỗ Văn P số tiền 750.000đồng, của bị cáo Bùi Văn C số tiền 300.000đồng, để sung ngân sách nhà nước.

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đỗ Thu H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 19S1-303.12, màu sơn trắng đen bạc, số máy: JA39E1105631, số khung: 3913KY244860, xe đã qua sử dụng, có biên bản lưu trong hồ sơ là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì khác về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT- C an huyện TB, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Do là đối tượng nghiện chất ma túy và háms lợi, nên Đỗ Văn P và Bùi Văn C mua ma túy Heroine về bán kiếm lợi nhuận và có ma túy để sử dụng. P đã bán ma túy cho Nguyễn Hải Đ 02 lần, cụ thể vào ngày 12/12/2024 bán cho Đ 01 gói ma túy thu được số tiền 150.000đồng và ngày 14/12/2024 bán cho Đ 01 gói ma túy thu được số tiền 300.000đồng. Ngày 16/12/2024 bán cho Bùi Văn C 01 gói ma túy thu được 300.000đồng. Số ma túy đã bán cho Đ và C đã sử dụng hết nên không xác định được khối lượng. Ngày 17/12/2024, P tàng trữ tàng trữ 01 gói ma túy có khối lượng 0,298 gam Heroine mục đích vừa sử dụng, vừa bán cho người nghiện kiếm lợi nhuận, nhưng chưa kịp bán và sử dụng thì bị phát hiện, thu giữ. Vì vậy, P phải chịu trách nhiệm chung về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đối với Bùi Văn C do nghiện chất ma túy nên đã mua 01 gói Heroine của Đỗ Văn P, sau đó tách ra lấy một phần ma túy sử dụng cho bản thân, số còn lại bán cho Lê Văn T 01 lần vào ngày 16/12/2024 thu được số tiền 300.000đồng. Số ma túy bán cho T đã sử dụng hết nên không xác định được khối lượng.

Hành vi của Đỗ Văn P, đã phạm vào tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 điều 251 của Bộ luật hình sự. Bùi Văn C, đã phạm vào tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 điều 251 của Bộ luật hình sự.

Điều 251 của Bộ luật hình sự, quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên."

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an trên địa bàn nên cần phải xử lý nghiêm. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo P đã tự thú về hành vi bán ma túy cho Nguyễn Hải Đ và Bùi Văn C nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự thú theo điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự

Xét thấy, bị cáo Đỗ Văn P phạm tội thuộc loại phạm rất nghiêm trọng còn bị cáo Bùi Văn C phạm tội thuộc loại tội nghiêm trọng, vì vậy cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội gây ra và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ cho các bị cáo từ bỏ ma túy và cải tạo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Đỗ Văn P, Bùi Văn C, Nguyễn Hải Đ và Lê Văn T; C an huyện TB đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 144 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với những người đàn ông bán trái phép chất ma túy cho P Cơ quan CSĐT đã phối hợp với C an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tiến hành xác minh, truy tìm người bán trái phép chất ma túy cho Đỗ Văn P tại khu vực cầu Văn Phú. Kết quả không xác định được là ai. Nên không có căn cứ xử lý, làm rõ là phù hợp.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- Ma túy là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy 01 túi niêm phong mã số PS3 2137078 của Phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh PT, bên trong có 0,248gam chất bột cục màu trắng, mặt sau bì giấy có chữ ký và 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh PT, là phù hợp.

- Đối với 04 chiếc điện thoại di động đã thu giữ, đây là điện thoại của bị cáo P, bị cáo C và của anh T, anh Đ dùng vào việc mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu bán sung quỹ nhà nước là phù hợp, gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58, vỏ máy màu xanh, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo P; 01

chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu xanh, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Hải Đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18, vỏ máy màu đen, màn hình cảm ứng, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, thu giữ của Lê Văn T.

- Đối với: 02 thẻ sim, thu giữ của bị cáo P; 01 thẻ sim, thu giữ của bị cáo C; 01 thẻ sim, thu giữ của Nguyễn Hải Đ; 01 thẻ sim, thu giữ của Lê Văn T, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Đối với 01 thẻ căn cước C dân số 025072001902 mang tên Đỗ Văn P và 01 thẻ căn cước C dân số 025065001617 mang tên Bùi Văn C không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo là phù hợp.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng, thu giữ của bị cáo P, đây là số tiền do lao động mà có, không liên quan đến ma túy cần trả lại cho bị cáo, xong tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 750.000 đồng, do bán ma túy mà có, bị cáo P đã tiêu sài hết nên cần buộc bị cáo Đỗ Văn P phải nộp lại số tiền 750.000 đồng, để sung ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 300.000 đồng, do bán ma túy mà có, bị cáo C đã tiêu sài hết nên cần buộc bị cáo Bùi Văn C phải nộp lại số tiền 300.000 đồng, để sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 19S1-303.12, màu sơn trắng đen bạc, số máy: JA39E1105631, số khung: 3913KY244860, xe đã qua sử dụng. Đây là chiếc xe mô tô của chị Đỗ Thu H (là con gái của bị cáo P) mua về sử dụng nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu. Chị H cho bị cáo P mượn làm pH tiện đi lại nhưng không biết P sử dụng đi mua bán ma túy. Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho Đỗ Thu H nên cần xác nhận là phù hợp.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

V^x c, c lĩ tr^an,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Căn cứ vào:* điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, r khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo P; khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo C; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn P, bị cáo Bùi Văn C phạm tội: **“Mua bán trái phép chất ma túy”**;

[3]. *Về hình phạt:* - Xử phạt bị cáo Đỗ Văn P 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 27/12/2024.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 27 (Hai mươi bảy) tháng tù.
Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 27/12/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4]. *Về xử lý vật chứng:*

- Tịch thu cho tiêu huỷ gồm: 01 túi niêm phong mã số PS3 2137078 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh PT, bên trong có 0,248gam chất bột cục màu trắng, mặt sau bì giấy có chữ ký và 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh PT; 02 thẻ sim, trong đó 01 sim có in dãy số 8984048000930892729, số thuê bao 0373488337; 01 sim có in dãy số 89840200011608216550, số thuê bao 0282879337 thu giữ của bị cáo P; 01 sim có in dãy số 8984048000932503769, số thuê bao 0968.716.215 thu giữ của bị cáo C; 01 sim có in dãy số 8984048000932503769 số thuê bao 0869478575 thu giữ của Nguyễn Hải Đ; 01 thẻ sim có in dãy số 8984048000388850246, gắn số thuê bao 0356069884, thu giữ của Lê Văn T.

- Tịch thu bán sung quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58, vỏ máy màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 864818060551751; số IMEI 2: 864818060551744, thu giữ của bị cáo P; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 35305211723328, số IMEI 2: 353052118831589, thu giữ của bị cáo C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353895106168384, số IMEI 2: 35389510616838, thu giữ của Nguyễn Hải Đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18, vỏ máy màu đen, màn hình cảm ứng, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, số IMEI1: 863178060363231, số IMEI2: 863178060363223, thu giữ của Lê Văn T.

- Trả lại cho bị cáo P 01 thẻ căn cước C dân số 025072001902 mang tên Đỗ Văn P và số tiền 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*). Xong tạm giữ số tiền 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*), để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo C 01 thẻ căn cước C dân số 025065001617 mang tên Bùi Văn C.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TB).

- Buộc bị cáo Đỗ Văn P phải nộp số tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*), để sung ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Bùi Văn C phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), để sung ngân sách nhà nước.

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đỗ Thu H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 19S1-303.12, màu sơn trắng đen bạc, số máy: JA39E1105631, số khung: 3913KY244860, xe đã qua sử dụng, có biên bản lưu trong hồ sơ là phù hợp.

[4]. *Về án phí:* Buộc bị cáo Đỗ Văn P, bị cáo Bùi Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh PT;
- VKSND tỉnh PT;
- VKSND H. TB;
- C an tỉnh PT;
- Sở Tư Pháp tỉnh PT;
- Chi cục THA H. TB;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Luyến